

Bản án số: 433/2024/DS-ST

Ngày 27/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị K Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga– Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXX-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn U, sinh năm 1957; Địa chỉ: 2/27 đường F, phường B, Thành phố T.

Bị đơn: Ông Dương Hoàng T, sinh năm 1986; Địa chỉ : 408 đường R, phường Q, quận P, Thành phố H; Địa chỉ cư trú: Lô 16/18 đường G, phường A, quận Z, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Đỗ Thiên K, sinh năm 1968; Địa chỉ: 2/27 đường F, phường B, Thành phố T.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Văn U, sinh năm 1957; Địa chỉ: 2/27 đường F, phường B, Thành phố T (Theo hợp đồng uỷ quyền lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đình Thịnh, số công chứng 000850, quyền số 04/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13 tháng 4 năm 2023 nộp tại Toà án ngày 13 tháng 4 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trương Văn U trình bày: Đầu năm 2018, ông U có làm thủ tục vay tiền tại ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Người trực tiếp thụ lý hồ sơ cho vay của ngân hàng là ông Dương Hoàng T là nhân viên ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, ông U và ông Dương Hoàng T quen biết nhau. Ngày 22/12/2018, ông Dương Hoàng T cho ông U biết là ông U được ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp thẻ tín dụng mua hàng trả chậm có giá trị 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Do thời điểm đó ông U đang nhận được tiền vay ngân hàng nên không có nhu cầu sử dụng thẻ tín dụng. Ông Dương Hoàng T lợi dụng là cán bộ ngân hàng đang phụ trách hồ sơ vay tiền của ông U đề nghị cho ông Dương Hoàng T mượn 01 thẻ tín dụng (chưa sử dụng) của ông U để ứng tiền làm đáo hạn cho khách hàng đang vay tiền để kiếm tiền tăng thêm thu nhập và hoàn toàn chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Vì tin tưởng ông Dương Hoàng T là cán bộ ngân hàng đang phụ trách hồ sơ vay tiền của ông U nên ông U đã đồng ý cho ông Dương Hoàng T mượn sử dụng thẻ tín dụng trên. Ông T đã sử dụng thẻ tín dụng vay ngân hàng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ngày 15/4/2020, đến ngày đáo hạn khoản vay ngân hàng của ông U, ngân hàng buộc ông U phải thanh toán số tiền nợ thẻ là: 31.605.420 đồng đây là số tiền mà T đã vay qua thẻ tín dụng còn nợ ngân hàng. Đồng thời ngân hàng cũng cho biết ông Dương Hoàng T đã bị ngân hàng cho thôi việc, đang làm thủ tục nghỉ việc vì ông T đã lợi dụng chức vụ đã mượn thẻ tín dụng những khách hàng khác như trường hợp của ông Trương Văn U.

Ngày 16/4/2020, ông Dương Hoàng T đã viết Giấy nợ cam kết sẽ trả 2.000.000 đ/tháng (1.700.000 đ tiền gốc) đến khi hết nợ. Tiền trả sẽ được thanh toán vào ngày 25-30 hàng tháng. Cam kết thực hiện đúng những cam kết trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi viết giấy nợ ngày 16/4/2020 đến ngày 06/6/2020 ông T chỉ chuyển khoản trả cho ông U số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng trong đó tiền gốc là 1.700.000 đồng, 300.000 đồng là tiền lãi). Từ đó đến nay, ông T không trả cho ông U thêm thêm bất cứ đồng nào. Khi ông U báo đã làm đơn khởi kiện lên Tòa án, ông T năn nỉ ngừng khởi kiện hứa sẽ trả nợ cho ông U nhưng rồi im bặt cho tới nay không còn liên lạc được nên gây nhiều thiệt hại và ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý gia đình ông U. ông U đã tắt toán xong khoản nợ thẻ cho ngân hàng mà ông U đưa thẻ cho ông T là vào ngày 15/4/2020.

Ông Trương Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Hoàng T phải trả cho ông U số tiền nợ gốc theo giấy nợ ngày 16/4/2020 và lãi suất tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày Tòa án xét xử cụ thể như sau: Nợ gốc: 29.905.420 đồng; Nợ lãi tạm tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 27/9/2024 là 04 năm 02 tháng 26 ngày với mức lãi suất 24,6%/năm là: 31.184.373 đồng. Ngoài ra ông Trương Văn U còn yêu cầu ông T trả tiền lãi lũy tiến 3 năm, lãi suất 9%/năm với số tiền làm tròn khoản là: 2.621.376 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 63.711.169 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười một đồng một trăm sáu mươi chín đồng). ông U yêu cầu ông Dương Hoàng T trả nợ một lần và ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phía nguyên đơn: Không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác và sớm đưa vụ án ra xét xử không phải hoãn giải thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Đỗ Thiên K ủy quyền cho ông Trương Văn U trình bày: Bà Lê Đỗ Thiên K là vợ của ông Trương Văn U theo giấy chứng nhận kết hôn số 86, Quyền số 01/90 do Ủy Ban nhân dân Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1990. Số tiền 31.605.420 đồng mà ông U thanh toán cho ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên bà K thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn U trình bày. Bà K yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho bà và ông U số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu tính đến ngày 27/9/2024 là tổng số tiền nợ gốc và lãi là 63.711.169 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười một đồng một trăm sáu mươi chín đồng) và trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Dương Hoàng T đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Trương Văn U thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét thấy bị đơn ông Dương Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét giấy tay ghi ngày 22/12/2018 do ông Dương Hoàng T ghi với nội dung: “Tôi tên Dương Hoàng T có nhận của chú Trương Văn U 01 thẻ tín dụng (chưa sử dụng) số thẻ: 4720750000204975. Tôi hoàn toàn chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ”. Giấy nợ lập ngày 16/4/2020 có nội dung: “Tôi tên Dương Hoàng T, sinh ngày 14/5/1986, cccd: 079XX, cấp ngày 28/2/2020 do Cục cảnh sát cấp ngày 28/2/2020. Hôm nay ngày 16/4/2020 tôi có nợ của chú Trương Văn U, cmnd 02XX số tiền 31.605.420 đ (số tiền dư nợ thẻ tín dụng). Tôi cam kết sẽ trả 2.000.000đ/tháng (1.700.000đ tiền gốc) đến khi hết nợ. Tiền trả sẽ được thanh toán vào ngày 25-30 hàng tháng. Tôi cam kết thực hiện đúng những cam kết trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”

Ngày 15/4/2020 ông U đã thanh toán hết số tiền 31.605.420 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi đồng) cho ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/4/2020 ông Dương Hoàng T viết giấy nợ là ông T còn nợ ông U số tiền 31.605.420 đồng. Ngày 06/6/2020 ông T trả cho ông U số tiền là 2.000.000 đồng như đã cam kết trong giấy nợ viết tay là trong đó số tiền trả nợ gốc là 1.700.000 đồng và tiền lãi là 300.000 đồng. Vậy số tiền nợ gốc được xác định ông Dương Hoàng T nợ của ông Trương Văn U là 29.905.420 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi đồng). Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét vào ngày 06/6/2020 ông Dương Hoàng T trả cho ông Trương Văn U số tiền là 2.000.000 đồng như đã cam kết trong giấy nợ viết tay là trong đó số tiền trả nợ gốc là 1.700.000 đồng và tiền lãi là 300.000 đồng. Khoản tiền lãi là 300.000 đồng không vượt quá quy định của pháp luật về việc tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lại phần lãi này.

[4] Xét trong quá trình thực hiện cam kết trả nợ của ông Dương Hoàng T thì theo thỏa thuận giữa ông T và ông U thì ông T cam kết sẽ trả 2.000.000đ/tháng (1.700.000đ tiền gốc) đến khi hết nợ. Tiền trả sẽ được thanh toán vào ngày 25-30 hàng tháng. Ngày 06/6/2020 ông T đã trả cho ông U số tiền là 2.000.000 đồng sau đó không thực hiện đúng. Vậy tính ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/7/2020 mà hai bên đã thỏa thuận, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó ông Trương Văn U khởi kiện yêu cầu ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán một lần cho ông U toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo giấy nợ đã ký sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là:

63.711.169 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm mười một đồng một trăm sáu mươi chín đồng) trong đó gồm: Nợ gốc là 29.905.420 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi đồng); Nợ lãi tạm tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 27/9/2024 là 04 năm 02 tháng 26 ngày với mức lãi suất 24,6%/năm là: 31.184.373 đồng. Ngoài ra ông Trương Văn U còn yêu cầu ông T trả tiền lãi lũy tiến 3 năm, lãi suất 9%/năm với số tiền làm tròn khoản là: 2.621.376 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 28/9/2024, nếu ông T vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, ông Dương Hoàng T vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy phần yêu cầu của ông Trương Văn U về nợ gốc là 29.905.420 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về phần yêu cầu tính lãi của ông Trương Văn U, tiền lãi với mức lãi suất là tạm tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 27/9/2024 là 04 năm 02 tháng 26 ngày với mức lãi suất 24,6%/năm là: 31.184.373 đồng. Ngoài ra ông Trương Văn U còn yêu cầu ông T trả tiền lãi lũy tiến 3 năm, lãi suất 9%/năm với số tiền làm tròn khoản là: 2.621.376 đồng. Tổng cộng lãi là 33.805.749 (Ba mươi ba triệu tám trăm lẻ năm ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng). Hội đồng xét xử áp dụng tính tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 10%/năm và tính từ ngày 01/7/2020 cho đến phiên toà hôm nay (cụ thể như sau từ ngày 01/7/2020 đến ngày 27/9/2024 là 04 năm 02 tháng 26 ngày) là 12.676.573 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng).

Vậy số tiền mà Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn U là 21.129.176 đồng (Hai mươi một triệu một trăm hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng)

Bà Lê Đỗ Thiên K và ông Trương Văn U là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 86, Quyền số 01/90 do Ủy Ban nhân dân Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1990. Số tiền 31.605.420 đồng mà ông U thanh toán cho ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ trả nợ cho ông U và bà K.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Hoàng T phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho ông Trương Văn U.

Ông Trương Văn U không phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn thanh toán nhưng ông U phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu của ông U không được Toà án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trương Văn U thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn U.

Buộc ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn U và bà Lê Đỗ Thiên K số tiền nợ gốc là 29.905.420 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi đồng).

Buộc ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn U và bà Lê Đỗ Thiên K số tiền lãi là 12.676.573 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng) tính đến ngày 27/9/2024.

Tổng số tiền mà ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn U và bà Lê Đỗ Thiên K là 42.581.993 (Bốn mươi hai triệu năm trăm tám mươi một ngàn chín trăm chín mươi ba đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn U phần tính lãi suất buộc ông Dương Hoàng T phải trả số tiền lãi là 21.129.176 đồng (Hai mươi một triệu một trăm hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng)

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Hoàng T phải chịu là 2.129.099 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi chín ngàn không trăm chín mươi chín đồng).

Ông Trương Văn U phải chịu án dân sự sơ thẩm về yêu cầu của ông Trương Văn U không được Toà án chấp nhận. Tuy nhiên ông Trương Văn U thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo Thông báo chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 06/TB-TA ngày 09/5/2023.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên

